

Bản án số: 260/2018/DS-PT

Ngày: 07-3-2018

Vv Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

1/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2/ Bà Phan Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Từ Thanh Uyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 2582/2017/DS – ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2018/QĐPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1069/2018/QĐ-PT ngày 09/2/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q
Trụ sở: Lầu 2 Cao ốc V, số 348 Đường E, Phường R, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tiến L (có mặt)

Địa chỉ: Số 32 đường Y, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H

Địa chỉ: 47/24/29 Đường I, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân P – Đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Địa chỉ: 16 đường A, phường S, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: 47/24/29 Đường I, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Bích T – Đại diện theo ủy quyền (có mặt)

Địa chỉ: 414 Đường G, Phường H, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Nguyễn Thị T: Ông Phạm Ngọc Q – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q – Xí nghiệp xây dựng L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Ngọc X – Giám đốc (có mặt)

Địa chỉ: 215/75 đường C, Phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2016, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 12/10/2017 của nguyên đơn – Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 09/9/2014, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q (gọi tắt là Công ty Q) ký hợp đồng số: 2391/2014/93550/HĐBĐ về việc bảo đảm với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh 03 tháng 02 cho Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T vay tiền theo hợp đồng tín dụng. Tại hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba được lập ngày 09/9/2014 tại Phòng công chứng số N, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 021218 chứng nhận Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 47/24/29 Đường I, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01/9/2015, tại trụ sở Công ty Q đã diễn ra cuộc họp bàn về việc giải quyết công nợ của Công ty Q với Xí nghiệp xây dựng L. Theo biên bản họp ngày 01/9/2015 được các thành viên tham gia cuộc họp ký có những nội dung chính như sau:

- Khoản nợ của Xí nghiệp xây dựng L đối với Công ty Q hiện nay là: 11.380.000.000 đồng (mười một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng).

- Căn cứ Đơn xin gia hạn thanh toán công nợ với Công ty của ông H, bà T ngày 30/10/2015 và Bản cam kết thanh toán công nợ của ông H bà T ngày 10/9/2015 và ngày 07/01/2016.

Để thực hiện theo nội dung cuộc họp ngày 01/9/2015, ông H và bà T đã làm Bản cam kết gửi Công ty Q về việc xin gia hạn thanh toán công nợ đến hết

tháng 12/2015, ông H cam kết sẽ gấp rút đăng báo bán nhà và cố gắng bán được trong thời gian 02 tháng kể từ ngày 10/9/2015.

Tại biên bản họp ngày 22/6/2016 về việc “Thanh toán công nợ” giữa Xí nghiệp xây dựng L với Công ty Q đã ký xác nhận nợ, cụ thể ý kiến trình bày của Ông Nguyễn Văn H là Giám đốc - Xí nghiệp xây dựng L là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Q do ông H làm Giám đốc hoạt động theo quy chế của Công ty, các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm quản lý và bảo toàn vốn, chủ động trong việc quan hệ với khách hàng, tạo việc làm đảm bảo có thu nhập và hiệu quả. Theo đó, Xí nghiệp xây dựng L sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm với Công ty và pháp luật về tài sản và tiền vốn sử dụng. Để có nguồn vốn cho Xí nghiệp hoạt động, ông H cùng vợ là Bà Nguyễn Thị T đã sử dụng tài sản cá nhân là: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 6181/2008/GCN thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 19, diện tích sử dụng riêng 87,6 m² do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 22/9/2008 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 8896/2008/GCN thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 19, diện tích sử dụng riêng 61,8 m² do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 30/12/2008 để thế chấp vay vốn của Ngân hàng và sau đó Công ty Q đã thực hiện cấp vốn cho ông H, Giám đốc Xí nghiệp xây dựng L hoạt động đầu tư kinh doanh. Ngoài ra, trong thời gian Xí nghiệp xây dựng L gặp khó khăn, Công ty đã thực hiện việc trả lãi cho Ngân hàng, cũng như các khoản thuế khác phải nộp thay cho Xí nghiệp.

Ngày 30/6/2016, Ông Nguyễn Văn H đã làm Giấy xác nhận công nợ gửi Công ty Q, xác nhận số tiền nợ ông còn thiếu là 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười chín đồng).

Ngày 12/7/2016, Công ty Q gửi Thông báo số 137/TB-BMT FICO tới ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T về việc thi hành cam kết nợ trả nợ cho Công ty nhưng cho đến nay phía ông H và bà T vẫn chưa thanh toán bất cứ khoản nào.

Do đó, Công ty Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Công ty Q số tiền nợ tổng cộng là 12.064.380.630 đồng (mười hai tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng). Trong đó tiền vốn gốc 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười chín đồng) và tiền lãi tính từ ngày 31/7/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 16/11/2017) với lãi suất 9%/năm là 1.258.844.911 đồng (một tỷ hai trăm

năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm mười một đồng).
Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q bởi vì vợ chồng ông H, bà T không thiếu nợ Công ty Q. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Q là hoàn toàn không có căn cứ. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q – Xí nghiệp xây dựng L do Ông Vũ Ngọc X đại diện trình bày như sau:

Theo Biên bản họp giải quyết công nợ ngày 30/3/2017 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q, ý kiến cuộc họp như sau: Trong quá trình điều hành Xí nghiệp xây dựng L ông Nguyễn Văn H đã quản lý tiền vốn không đúng nguyên tắc khi tự cho tạm ứng người không phải là Công nhân viên của Xí nghiệp, không có chứng từ đầy đủ..., các công trình dở dang chưa quyết toán được do thiếu chứng từ. Do đó, Công ty Q tạm tính đến ngày 12/10/2017 ông H và bà T phải trả vốn và lãi là 11.972.533.577 đồng (mười một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó nợ vốn là 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười chín đồng); tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2016 đến ngày 12/10/2017 là 1.166.997.858 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi tám đồng). Đồng thời, ông X có xin vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 2582/2017/DS – ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q đòi bị đơn – Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T phải trả tổng số tiền là 12.064.380.630 đồng (trong đó vốn gốc là 10.805.535.719 đồng và nợ lãi là 1.258.844.911 đồng).

Buộc ông H và bà T phải trả cho Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q số tiền 12.064.380.630 đồng (mười hai tỷ không trăm sáu mươi bốn

triệu ba trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng) làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: 120.064.381 đồng (một trăm hai mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi một đồng) bị đơn phải đóng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền đã nộp 59.507.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008832 ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/11/2017, bị đơn Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của Ông Nguyễn Văn H trình bày nội dung kháng cáo của ông H như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì khoản nợ trên là của Xí nghiệp xây dựng L với Công ty Q chứ không phải nợ của cá nhân vợ chồng ông H - bà T với Công ty. Trong trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này thì đề nghị hủy án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng không đưa Xí nghiệp xây dựng L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Nguyễn Thị T trình bày nội dung kháng cáo của bà T như sau:

Việc bà T ký tên vào các bản cam kết bán nhà trả nợ cho Công ty Q là do bà không biết các khoản nợ trên là của Xí nghiệp xây dựng L và do ông H soạn đưa về hỏi thúc ép bà phải ký. Sau khi tìm hiểu rõ về khoản nợ trên và biết mình bị lừa dối bà T đã làm văn bản gửi lên Công ty thể hiện ý chí của mình đồng thời phản đối yêu cầu của Công ty Q về việc yêu cầu bà T cùng ông H trả nợ thay cho xí nghiệp. Việc Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T và chồng chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty là không

đúng. Bà T đề nghị hủy án sơ thẩm hoặc sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H và bà T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

- Người đại diện hợp pháp của Ông Nguyễn Văn H tranh luận:

Xuất phát từ các khoản nợ của Xí nghiệp xây dựng L nợ Công ty Q cộng dồn từ năm 2001 đến năm 2015 mà thành khoản nợ 11.380.000.00 đồng (mười một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Trong các bản kê chi tiết mỗi tháng của Xí nghiệp xây dựng L đều thể hiện rõ điều này. Các văn bản ký kết công nợ của ông H đối với Công ty Q là do ông H ký với tư cách giám đốc Xí nghiệp xây dựng L. Nếu có sự chuyển hóa nợ thì phải có sự đồng ý của ba bên. Án sơ thẩm đã không xét nguồn gốc các khoản nợ trên mà căn cứ vào các biên bản cam kết của ông H, bà T để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Nguyễn Thị T tranh luận: Khoản nợ mà nguyên đơn khởi kiện nêu trên là của Xí nghiệp xây dựng L do chồng bà T làm giám đốc. Sở dĩ bà T ký vào các biên bản cam kết bán nhà trả nợ là do ông H chồng bà đưa về ký. Trong các cuộc họp của Công ty không có bà T tham dự. Do đó, bà T không biết gì về các khoản nợ của chồng ở Công ty. Sau khi biết được khoản nợ trên là của Xí nghiệp xây dựng L không phải nợ riêng của chồng, bà T đã gửi văn bản lên Công ty để phản đối các cam kết của mình. Khoản tiền Công ty Q khởi kiện không liên quan đến trách nhiệm của bà T nên không thể buộc bà T chịu trách nhiệm cùng ông H để trả nợ cho Công ty Q. Đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng trong việc đưa Xí nghiệp xây dựng L vào tham gia tố tụng.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tranh luận:

Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm đã đưa Xí nghiệp xây dựng L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người đại diện hợp pháp của Xí nghiệp xây dựng L đã có lời khai và đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm nên cấp sơ thẩm đã giải quyết vắng mặt họ. Do đó, việc bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không đúng.

Về nội dung: Cơ sở khởi kiện của nguyên đơn là các văn bản cam kết chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ cho Công ty của ông H và bà T. Việc bà T ký nhận chịu trách nhiệm cùng ông H trả nợ cho Công ty nhiều lần và đồng ý bán nhà để trả nợ, đủ cơ sở để khẳng định bà T biết và đồng ý chịu trách nhiệm cùng ông H trả nợ cho Công ty. Tại Điều 34 Điều lệ của Công ty Q đã quy định “Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra”.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Q là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q – Xí nghiệp xây dựng L tranh luận: Ông Nguyễn Văn H là người xác nhận nợ cá nhân đối với Công ty Q trên cơ sở tự nguyện vì ông H đã sử dụng tiền của Xí nghiệp vào mục đích cá nhân. Ông H và bà T đã cùng tự nguyện nhiều lần lên Công ty xin trả nợ và xin giảm nợ thể hiện ở các văn bản cam kết. Do đó, việc Công ty Q khởi kiện ông H và bà T là hoàn toàn có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 01/9/2015 giữa Công ty Q với Xí nghiệp xây dựng L; đơn xin gia hạn công nợ ngày 30/10/2015 và ngày 07/01/2016 của ông H và bà T đủ cơ sở kết luận khoản nợ gốc 10.823.360.085 đồng (mười tỷ tám trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn không trăm tám mươi lăm đồng) là nợ riêng của cá nhân ông H và bà T đối với Công ty Q.

Án sơ thẩm xử buộc ông H và bà T chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn nợ gốc là 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười chín đồng) và nợ lãi là 1.258.844.911 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm mười một đồng) là đúng pháp luật, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và đề nghị của luật sư. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo của đương sự:

1.1 Về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm vì lý do cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng không đưa Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q – Xí nghiệp xây dựng L (sau đây viết tắt là Xí nghiệp xây dựng L) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, cấp sơ thẩm có đưa Xí nghiệp xây dựng L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xí nghiệp xây dựng L do Ông Vũ Ngọc X là giám đốc đại diện hợp pháp đã có bản tự khai và xin vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng vì lý do bận đi công tác. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không lập thêm biên bản hòa giải ghi tên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào biên bản hòa giải và ghi họ vắng mặt là có thiếu sót tuy nhiên chưa đến mức nghiêm trọng để hủy án. Mặt khác, xét lời khai của người đại diện hợp pháp của Xí nghiệp xây dựng L hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã phân tích nêu trên. Như vậy, những thiếu sót này chỉ về mặt thủ tục không làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến bản chất của vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, chứ không cần thiết phải hủy án như đề nghị của phía người đại diện hợp pháp của các bị đơn và luật sư.

1.2. Về yêu cầu sửa án sơ thẩm:

Căn cứ Biên bản họp ngày 01/9/2015 giải quyết công nợ giữa Công ty Q và Xí nghiệp xây dựng L, ông H đã thừa nhận lỗi khi để xảy ra khoản nợ quá lớn và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích và xin được bán 02 căn nhà của ông H để trả nợ cho Công ty.

Sau đó, ngày 30/10/2015 và ngày 07/01/2016 ông H và bà T đã làm Bản cam kết xác định cá nhân nợ công ty số tiền 11.380.000.000 đồng (mười một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng) và xin gia hạn thời gian để bán nhà trả nợ, nhưng rồi kéo dài không trả.

Đến ngày 22/6/2016 tại Biên bản họp giữa Công ty Q và ông H, ông H đã khẳng định “Trong quá trình quản lý và sử dụng vốn tại Xí nghiệp tôi đã tự ứng: 10.823.360.085 đồng để đi làm dự án với một số đối tác bên ngoài, hiện nay khả năng thu hồi rất khó khăn. Vì vậy, tôi đang tìm khách hàng mua nhà để bán trả nợ cho công ty trong thời gian sớm nhất, rất mong Công ty cho tôi thêm thời gian để tôi bán nhà trả nợ cho Công ty...”.

Tại “Giấy xác nhận công nợ” ngày 30/6/2016, Ông Nguyễn Văn H một lần nữa xác nhận với Công ty, nội dung như sau: “Đến hôm nay tôi còn nợ xí nghiệp xây dựng số 1 số tiền là 10.805.535.719. Thời gian thanh toán 31/7/2016”.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã đủ cơ sở để khẳng định ông H và bà T đã xác định và cam kết với Công ty Q chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ do lỗi ông H gây ra đối với Công ty Q do việc ông H sử dụng vốn không đúng mục đích trong thời gian ông H làm giám đốc Xí nghiệp xây dựng L. Số nợ gốc mà ông H và bà T ký xác nhận đối Công ty Q ban đầu là 11.380.000.000 đồng (mười một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng), tính đến thời điểm ông H xác nhận sau cùng (ngày 30/6/2016) còn lại là 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười chín đồng). Do vậy, ông H và bà T có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Công ty Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cung cấp tài liệu là bản photocopy “Hợp đồng mượn tài sản” giữa Công ty Q với ông H và các Hợp đồng giao khoán giữa Công ty Q với Xí nghiệp xây dựng L và các hóa đơn, chứng từ và cho rằng đây là chứng cứ để chứng minh khoản nợ trên là của Xí nghiệp xây dựng L nợ Công ty Q chứ không phải nợ riêng của cá nhân ông H và bà T. Tuy nhiên, các tài liệu này không đủ cơ sở để chứng minh và không thể phủ nhận được các văn bản cam kết trả nợ của ông H và bà T đối với Công ty Q như đã phân tích trên. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này của luật sư.

Việc người đại diện hợp pháp của bà T và luật sư cho rằng bà T bị ông H lừa dối và thúc ép nên bà T mới ký vào bản cam kết bán nhà và cùng ông H trả tiền cho Công ty. Sau khi phát hiện không phải nợ riêng của ông H bà T đã gửi văn bản cho công ty phản đối cam kết bà đã ký. Lời khai trên của phía bà T không được phía đại diện nguyên đơn thừa nhận. Bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà bị lừa dối hoặc nhầm lẫn khi ký vào các bản cam kết cùng chồng bán nhà trả nợ cho Công ty. Xét, bà T đã 03 lần cùng ông H ký cam kết gấp rút bán nhà trả nợ cho Công ty, cụ thể là ngày 10/9/2015; ngày 30/10/2015 và ngày 07/01/2016. Điều đó đã chứng minh bà T biết các khoản nợ này và đồng ý cùng ông H giải quyết việc trả nợ cho Công ty Q. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đề nghị này của phía bà T.

Như vậy, việc Công ty Q khởi kiện yêu cầu ông H và bà T chịu trách nhiệm trả cho Công ty số nợ gốc 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười chín đồng) và được cấp Tòa sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

- Về yêu cầu tính lãi của Công ty Q trên số tiền 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba lăm nghìn bảy trăm mười chín đồng) từ ngày 31/7/2016 đến ngày 16/11/2017 lãi suất 09%/ năm với số tiền 1.258.844.911 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm mười một đồng).

Căn cứ vào Giấy xác nhận công nợ ngày 30/6/2016 có chữ ký xác nhận của ông H thì số nợ là 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba lăm nghìn bảy trăm mười chín đồng) và có xác nhận thời gian thanh toán là ngày 31/7/2016. Do vậy, từ ngày 31/7/2016 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu phần lãi suất chậm thanh toán từ ngày 31/7/2016 đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 là theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán(9%/năm) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, tiền lãi được tính như sau:

Thời gian từ ngày 31/7/2016 đến ngày 16/11/2017 là 15 tháng 16 ngày

$10.805.535.719 \text{ đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 1.215.622.768 \text{ đồng}(1)$

$10.805.535.719 \text{ đồng} \times 0,025 / \text{ngày} \times 16 \text{ ngày} = 43.222.142 \text{ đồng} (2)$

$(1) + (2) = 1.215.622.768 \text{ đồng} + 43.222.142 \text{ đồng} = 1.258.844.911 \text{ đồng}$
(một tỷ hai trăm năm tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm mười một đồng).

Như vậy, cấp sơ thẩm đã tính lãi đúng qui định nên giữ y án sơ thẩm về việc tính lãi.

Từ sự phân tích trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông H và bà T. Tòa án cấp sơ thẩm xử đúng pháp luật, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 2582/2017 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, điều chỉnh lại cách tuyên về tính lãi trong giai đoạn thi hành án cho phù hợp qui định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông H và bà T không được Tòa chấp nhận nên ông H và bà T mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo qui định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305; Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 2582/2017/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q đòi bị đơn – Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T phải trả tổng số tiền là 12.064.380.630 đồng (mười hai tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng), trong đó vốn gốc là 10.805.535.719 đồng (mười tỷ tám trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm mười chín đồng) và nợ lãi là 1.258.844.911 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm mười một đồng).

Buộc ông H và bà T phải trả cho Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Q số tiền 12.064.380.630 đồng (mười hai tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng) làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo qui định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.2. Án phí Dân sự sơ thẩm: 120.064.381 đồng (một trăm hai mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi một đồng) ông H và bà T phải đóng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền đã nộp 59.507.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008832 ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng),

được cản trở vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông H, bà T đã nộp theo các biên lai thu số 0003539 và biên lai thu số 0003540 ngày 06/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cản trở ông H bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi Cục THA DS quận B;
- TAND quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa